

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 10 năm 2021

DANH SÁCH ĐIỂM THI

PHẦN V.2: NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC ĐẢNG Ở CƠ SỞ

LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 11, TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ BÌNH

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Phạm Tuấn Anh	01	51	7,5	Bảy rưỡi	
2	Lê Thị Ánh	02	33	7,5	Bảy rưỡi	
3	Dương Thị Ánh	03	58	8,0	Tám	
4	Dương Quang Ba	04	42	7,5	Bảy rưỡi	
5	Phạm Văn Bằng	05	31	7,0	Bảy	
6	Lê Việt Cường	06	32	7,0	Bảy	
7	Dương Quang Dậu	07	41	6,5	Sáu rưỡi	
8	Đặng Thị Giang	08	69	7,5	Bảy rưỡi	
9	Nguyễn Thu Giang	09	66	8,0	Tám	
10	Lý Thị Hương Giang	10	-	-	-	Vắng thi
11	Nguyễn Xuân Giang	11	39	5,0	Năm	
12	Trần Bá Hà	12	04	7,0	Bảy	
13	Nguyễn Thị Hà	13	35	7,0	Bảy	
14	Dương Thị Hải	14	53	8,0	Tám	
15	Ngô Thị Hải	15	46	8,0	Tám	
16	Lê Thị Hằng	16	07	7,0	Bảy	
17	Nguyễn Thị Hoa	17	62	8,0	Tám	
18	Liễu Thị Hoa	18	64	7,5	Bảy rưỡi	
19	Ngô Thị Thanh Hòa	19	19	7,0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
20	Hà Thị Hương	20	20	8,0	Tám	
21	Nguyễn Thị Hương	21	40	7,5	Bảy rưỡi	
22	Trần Thị Hương	22	10	8,0	Tám	
23	Nguyễn Thị Thu Hường	23	52	8,0	Tám	
24	Dương Thị Huyền	24	11	7,0	Bảy	
25	Dương Thị Thu Huyền	25	76	7,0	Bảy	
26	Đào Duy Huỳnh	26	25	6,5	Sáu rưỡi	
27	Dương Văn Khuê	27	29	7,5	Bảy rưỡi	
28	Nguyễn Thị Hương Lan	28	73	7,5	Bảy rưỡi	
29	Nguyễn Thị Lệ	29	45	8,0	Tám	
30	Dương Thị Liên	30	71	8,0	Tám	
31	Đồng Thị Lộc	31	50	7,5	Bảy rưỡi	
32	Nguyễn Văn Lợi	32	36	8,0	Tám	
33	Đào Thị Ngọc Mai	33	72	7,5	Bảy rưỡi	
34	Dương Thị Hồng Mến	34	47	7,5	Bảy rưỡi	
35	Tạ Văn Minh	35	65	7,0	Bảy	
36	Tạ Văn Nam	36	57	6,5	Sáu rưỡi	
37	Dương Văn Nam	37	21	7,0	Bảy	
38	Đào Thị Nga	38	-	-	-	Bảo lưu
39	Nguyễn Thị Nga	39	01	7,5	Bảy rưỡi	
40	Nguyễn Văn Ngọ	40	23	7,0	Bảy	
41	Nguyễn Lan Ngọc	41	14	7,5	Bảy rưỡi	
42	Nguyễn Thị Ngọn	42	49	7,5	Bảy rưỡi	
43	Phạm Thị Ánh Nguyệt	43	61	8,0	Tám	
44	Nguyễn Văn Nhân	44	37	7,0	Bảy	
45	Nguyễn Thúy Nhạn	45	55	8,0	Tám	
46	Dương Thị Nhung-1985	46	16	7,5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
47	Dương Thị Nhung-1989	47	43	8,0	Tám	
48	Dương Thị Tuyết Nhung	48	13	7,5	Bảy rưỡi	
49	Nguyễn Thị Phương-1984	49	70	7,5	Bảy rưỡi	
50	Nguyễn Thị Phương-1988	50	74	8,0	Tám	
51	Nguyễn Thị Phương-1981	51	77	7,0	Bảy	
52	Nguyễn Thùy Phương	52	68	7,0	Bảy	
53	Cao Thị Hà Phương	53	27	8,0	Tám	
54	Dương Văn Quang	54	-	-	-	Vắng thi
55	Nguyễn Thị Quân	55	38	7,5	Bảy rưỡi	
56	Nguyễn Hữu Quốc	56	22	8,0	Tám	
57	Hoàng Thị Quyên	57	54	7,5	Bảy rưỡi	
58	Dương Hương Quỳnh	58	48	7,0	Bảy	
59	Hoàng Thị Sen	59	05	8,0	Tám	
60	Phạm Thị Tân	60	67	6,5	Sáu rưỡi	
61	Dương Thị Thắm	61	12	8,0	Tám	
62	Nguyễn Thị Thắm	62	63	7,0	Bảy	
63	Đỗ Xuân Thành	63	26	7,0	Bảy	
64	Nguyễn Đăng Thảo	64	60	7,0	Bảy	
65	Ma Thị Thiêm	65	59	6,5	Sáu rưỡi	
66	Ngô Thị Thoa	66	56	6,5	Sáu rưỡi	
67	Dương Thị Thơm	67	28	7,5	Bảy rưỡi	
68	Dương Thị Thu	68	34	7,5	Bảy rưỡi	
69	Hoàng Thị Diệu Thúy	69	08	7,5	Bảy rưỡi	
70	Dương Văn Toàn	70	06	7,0	Bảy	
71	Nguyễn Thành Trung	71	24	7,5	Bảy rưỡi	
72	Nguyễn Anh Tuấn	72	15	7,0	Bảy	
73	Bùi Thị Tuyết	73	30	8,0	Tám	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
74	Phan Thị Vân	74	09	8,0	Tám	
75	Nguyễn Thị Cẩm Vân	75	75	7,0	Bảy	
76	Vũ Thị Xâm	76	03	7,5	Bảy rưỡi	
77	Nguyễn Thị Yên-1986	77	17	7,5	Bảy rưỡi	
78	Nguyễn Thị Yên-1988	78	18	8,0	Tám	
79	Chu Hải Yên	79	02	7,0	Bảy	
80	Nghiêm Thị Yên	80	44	8,0	Tám	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA XÂY DỰNG ĐẢNG
TRƯỞNG KHOA**



Ngô Thị Hồng Nhung

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên